| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 92/2024/DS-ST
Ngày 19 - 12 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thân Trọng Khôi
*Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Quang Vinh
Ông Nguyễn Văn Thanh

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-DS ngày 13/11/2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2024/QĐST-DS ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn***: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954 (có mặt);
Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

***- Bị đơn***: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:
Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày*: Ông với chị Vũ Thị N là quan hệ quen biết làm ăn, ông là người chăn nuôi gà, chị N là người bán cám thức ăn chăn nuôi, nên ông nhiều lần mua cám chăn nuôi của chị N. Cuối năm 2018 chị N nói với ông sau tết là cám lên giá cao nên ngày 27/12/2018 âm lịch ông có gửi tiền trước cho chị N để mua cám với giá cũ, ông gửi 200 bao cám trị giá 43.600.000đ. Đến ngày 03/02/2019 chị N chở cho ông 10 bao cám trị giá thành tiền là 2.180.000đ, chị N còn nợ ông 41.420.000đ. Nguồn tiền đặt mua cám là của vợ chồng ông. Nay ông đề nghị Toà án buộc chị N phải trả vợ chồng ông số tiền là 41.420.000đ

tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 27/12/2018 âm lịch đến ngày xét xử vụ án.

** Bị đơn chị Vũ Thị N,* mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị N vẫn không phối kết hợp để làm việc.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày*: Bà là vợ ông Nguyễn Văn M, bà hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của ông Nguyễn Văn M.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông M có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Sau tết nguyên đán sang năm 2019, ông đã đến nhà chị N đòi cám nhiều lần, nhưng thấy nhà chị N không còn bán cám nữa, ngày 03/2/2019 âm lịch chị N đã chở cho ông 10 bao cám, hôm sau tôi sang đòi tiền thì chị N nói sẽ trả lãi khoản tiền còn nợ cho ông. Nay ông đề nghị Toà án buộc chị N phải trả cho ông 41.420.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật 10%/năm kể từ ngày 04/2/2019 âm lịch (tức ngày 09/3/2019 dương lịch) đến ngày xét xử vụ án hôm nay. Bà Đ vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Chị N vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có mặt làm việc theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay ông M có mặt, bà Đ vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Chị N vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc chị Vũ Thị N phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Đ 41.420.000đ tiền gốc và 23.931.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 65.351.000đ (Sáu lăm triệu ba trăm năm mốt nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, khởi kiện đòi tiền ứng trước để mua cám thức ăn chăn nuôi với chị Vũ Thị N; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Theo bản gốc Giấy giao nhận tiền mua cám do ông M xuất trình, thì ông M có đưa cho chị N 43.600.000đ để mua 200 bao cám chăn nuôi, chị N đã chuyển cho ông M 10 bao cám = 2.180.000đ. Nay ông M yêu cầu chị N phải trả cho vợ chồng ông M, bà Đ 41.420.000đ tiền gốc và lãi suất theo pháp luật, kể từ ngày nhận tiền

04/02/2019 âm lịch đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông M có mặt, bà Đ vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Chị N vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên ngày 27/12/2018 âm lịch (tức ngày 01/02/2019 dương lịch) ông Nguyễn Văn M đã đưa cho chị Vũ Thị N 43.600.000đ để mua 200 bao cám theo giã cũ, khi giao tiền có viết vào sổ theo dõi mua hàng, chị N có ký nhận. Ngày 03/02/2019 âm lịch (tức ngày 08/3/2019 dương lịch) chị N chở cho ông M được 10 bao cám trị giá thành tiền là 2.180.000đ, chị N còn nợ ông M 41.420.000đ. Nguồn tiền đặt mua cám là của vợ chồng ông M, bà Đ. Nay ông M đề nghị Toà án buộc chị N phải trả vợ chồng ông M, bà Đ là 41.420.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 04/02/2019 âm lịch (tức ngày 09/3/2019 dương lịch) đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.1] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc: Số tiền gốc ông M đưa cho chị N 43.600.000đ, phù hợp với bản gốc giấy ghi sổ giao nhận tiền do ông M xuất trình có chữ ký xác nhận của chị Vũ Thị N. Tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 87/2024/QĐ-CCTLCC ngày 28/10/2024 yêu cầu chị N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc nhận tiền đặt mua cám và thanh toán giao trả cám. Tuy nhiên đến nay chị N không cung cấp tài liệu chứng cứ. Nên chị N phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ. Ông M xác định, ngày 03/02/2019 âm lịch (tức ngày 08/3/2019 dương lịch) chị N chở cho ông M được 10 bao cám trị giá thành tiền là 2.180.000đ, chị N còn nợ ông M 41.420.000đ. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc đặt trước để mua cám 41.420.000đ của ông M là có căn cứ, phù hợp Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất: Ông M xác định khi giao tiền đặt mua cám cho chị N trước tết nguyên đán để được hưởng theo giá cũ rẻ hơn, vì chị N nói sau tết cám sẽ lên giá. Sau tết nguyên đán, đầu năm 2019 ông M sang đòi cám, ngày 03/02/2019 âm lịch (tức ngày 08/3/2019 dương lịch) chị N chở cho ông M được 10 bao cám trị giá thành tiền là 2.180.000đ, chị N còn nợ ông M 41.420.000đ. Phía chị N không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì về việc đã thanh toán hoặc giao trả cám cho ông M. Như vậy chị N đã cố tình chiếm dụng vốn của ông M, gây thiệt hại về tiền vốn cho ông M. Nay ông M yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền còn nợ theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 04/02/2019 âm lịch (tức ngày 09/3/2019 dương lịch) đến ngày xét xử vụ án, xét là phù hợp cần chấp nhận theo Điều 357 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

[2.2.1] Từ ngày 09/3/2019 đến ngày 19/12/2024 là 05 năm 9 tháng 10 ngày.

[2.2.2] Lãi suất cụ thể 41.420.000đ x 10%/năm x 05 năm 9 tháng 10 ngày = 23.931.000đ.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc chị Vũ Thị N phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ

chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Đ 41.420.000đ tiền gốc và 23.931.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 65.351.000đ (Sáu lăm triệu ba trăm năm mốt nghìn đồng). Xét là phù hợp Điều 357, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên chị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Ông M thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc chị Vũ Thị N phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Đ 41.420.000đ tiền gốc và 23.931.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 65.351.000đ (Sáu lăm triệu ba trăm năm mốt nghìn đồng).

2. Về án phí: Chị Vũ Thị N chịu 3.268.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt, niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Thân Trọng Khôi**